

Số: 84/2024/QĐST-DS

Cầu Ngang, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 239/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Kiên Thị C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Kiên Thị Ngọc S, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Anh Kiên Ngọc K, sinh ngày 01/01/1993. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Kiên Ngọc M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

- Bà Thạch Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Chị Lê Thị E, sinh ngày 15/4/1995. Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:

- Bà Thạch Thị H, sinh năm 1973.

- Chị Kiên Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

- Anh Kiên Ngọc L, sinh năm 1995.

- Anh Kiên Ngọc B, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự bà Kiên Thị C, bà Kiên Thị Ngọc S, anh Kiên Ngọc K (thừa kế thế vị) cùng ông Kiên Ngọc M xác định thửa đất số 55, diện tích 3.670m² (trong đó 190m² đất ở và 3.480m² đất cây ăn quả), tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp L, x, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiên S đứng tên vào ngày 09/5/1996, là di sản thừa kế. Các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất như sau:

2.1. Bà Kiên Thị C được chia thừa kế diện tích 562,5m², loại đất cây ăn quả, cùng các tài sản, cây cối, huê lợi gắn liền với diện tích đất nằm trong diện tích 3.670m² thuộc thửa đất số 55, các cạnh có kích thước cụ thể như sau:

- Từ cạnh số 1 đến cạnh số 2 dài 16,30 mét.
- Từ cạnh số 2 đến cạnh số 3 dài 35,46 mét.
- Từ cạnh số 3 đến cạnh số 4 dài 16,60 mét
- Từ cạnh từ số 4 đến cạnh số 1 dài 33,98 mét.

Diện tích đất này bà Kiên Thị C đang canh tác sử dụng, các đương sự khác không phải giao đất.

Kèm theo trích lục bản đồ địa chính số 917/TL-CNVPĐKĐĐ, đề ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Cầu Ngang cung cấp.

2.2. Bà Kiên Thị Ngọc S được chia thừa kế diện tích 729m², loại đất (trong đó có 190m² đất ở và 539m² cây ăn quả) cùng các tài sản, cây cối huê lợi gắn liền với diện tích đất nằm trong diện tích 3.670m² thuộc thửa đất số 55, các cạnh có kích thước cụ thể như sau:

- Từ cạnh số 1 đến cạnh số 2 dài 19,70 mét.
- Từ cạnh số 2 đến cạnh số 3 dài 1,90 mét.
- Từ cạnh số 3 đến cạnh số 4 dài 36,91 mét.
- Từ cạnh số 4 đến cạnh 5 dài 19,10 mét.
- Từ cạnh số 5 đến đến cạnh 1 dài 35,46 mét.

Diện tích đất này bà Kiên Thị Ngọc S đang canh tác sử dụng, các đương sự khác không phải giao đất.

Kèm theo trích lục bản đồ địa chính số 918/TL-CNVPĐKĐĐ, đề ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Cầu Ngang cung cấp.

2.3. Anh Kiên Ngọc K được chia thừa kế diện tích 1.872m², loại đất cây ăn quả cùng các tài sản cây cối huê lợi gắn liền với đất nằm trong diện tích 3.670m² thuộc thửa đất số 55, có kích thước các cạnh cụ thể như sau:

- Từ cạnh số 1 đến cạnh số 2 dài 1,01 mét.
- Từ cạnh số 2 đến cạnh số 3 dài 12,58 mét.
- Từ cạnh số 3 đến cạnh số 4 dài 23,77 mét.
- Từ cạnh số 4 đến cạnh số 5 dài 36,67 mét.
- Từ cạnh số 5 đến cạnh số 6 dài 18,32 mét.
- Từ cạnh số 6 đến cạnh số 7 dài 13,39 mét.
- Từ cạnh số 7 đến cạnh số 8 dài 6,91 mét.

- Từ cạnh số 8 đến cạnh số 9 dài 3,35 mét.
- Từ cạnh số 9 đến cạnh số 10 dài 24,26 mét.
- Từ cạnh số 10 đến cạnh số 11 dài 18,18 mét.
- Từ cạnh số 11 đến cạnh số 12 dài 7,75 mét.
- Từ cạnh số 12 đến cạnh số 13 dài 12,39 mét.
- Từ cạnh số 13 đến cạnh số 14 dài 1,04 mét.
- Từ cạnh số 14 đến cạnh số 15 dài 3,88 mét.
- Từ cạnh số 15 đến cạnh số 1 dài 36,91 mét.

Diện tích đất này anh Kiên Ngọc K đang canh tác sử dụng, các đương sự khác không phải giao đất.

Kèm theo trích lục bản đồ địa chính số 919/TL-CNVNĐKĐĐ, đề ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Cầu Ngang cung cấp.

2.4 Anh Kiên Ngọc M được chia thừa kế diện tích 505m², loại đất cây ăn quả, cùng các tài sản, cây cối, huê lợi gắn liền với diện tích đất nằm trong diện tích 3.670m² thuộc thửa đất số 55, có kích thước các cạnh cụ thể như sau:

- Từ cạnh số 1 đến cạnh số 2 dài 2,87 mét.
- Từ cạnh số 2 đến cạnh số 3 dài 12,23 mét.
- Từ cạnh số 3 đến cạnh số 4 dài 33,98 mét.
- Từ cạnh số 4 đến cạnh số 5 dài 15,70 mét.
- Từ cạnh số 5 đến cạnh số 1 dài 32,59 mét.

Diện tích đất này anh Kiên Ngọc M đang canh tác sử dụng, các đương sự khác không phải giao đất.

Kèm theo trích lục bản đồ địa chính số 916/TL-CNVNĐKĐĐ, đề ngày 17/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Cầu Ngang cung cấp.

Các đương sự bà Kiên Thị C, bà Kiên Thị Ngọc S, anh Kiên Ngọc K và ông Kiên Ngọc M có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng diện tích đất được chia thừa kế như đã nêu trên.

Để đảm bảo cho việc Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất và huê lợi gắn liền với đất, không được thay đổi hiện trạng đất hoặc xây cất trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.5. Về chi phí thẩm định tài sản: Bà Kiên Thị C, bà Kiên Thị Ngọc S và anh Kiên Ngọc M tự nguyện nộp 1.000.000 đồng nhưng được cản trở vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản 1.000.000 đồng do các đương sự nộp cho Tòa án tạm thu. Các đương sự đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định tài sản.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Kiên Thị C là người Khmer, sống ấp N, xã N, thuộc ấp có điều kiện kinh tế đặt biệt khó khăn, bà Chanh có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Thẩm phán chấp nhận cho bà Kiên Thị C được miễn nộp án phí.

+ Bà Kiên Thị Ngọc S tự nguyện nộp 2.369.250 đồng án phí nhưng được căn trừ vào số tiền 3.344.250 đồng tiền tạm ứng án phí do bà S nộp theo biên lai thu tiền số 0003719, ngày 28/5/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Hoàn trả cho bà Kiên Thị Ngọc S 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

+ Anh Kiên Ngọc K tự nguyện nộp 6.084.000 đồng án phí nhưng được căn trừ vào 6.048.000 đồng tiền tạm ứng án phí do anh K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003720, ngày 28/5/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Kiên Ngọc K đã nộp đủ án phí.

+ Anh Kiên Ngọc M tự nguyện nộp 1.641.250 đồng (*Một triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lý Thanh Lâm